

Vai trò của Phật giáo trong Hiến pháp Bhutan

ISSN: 2734-9195 09:32 22/08/2025

Để bảo vệ, duy trì và lan tỏa các giá trị Phật giáo, nhà nước Bhutan đã luật hóa địa vị, vai trò của Phật giáo cũng như quy định nhiệm vụ của những nhà lãnh đạo ở trung ương và địa phương đối với Phật giáo.

Bhutan được gọi là "nhà nước Phật giáo" hay "chế độ quân chủ lập hiến Phật giáo", tuy nhiên các điều luật của nhà nước Bhutan đặt ra các quy tắc rất chặt chẽ cho mối quan hệ giữa nhà nước và Phật giáo. Để hiểu được vị trí của tôn giáo nói chung trong đó có Phật giáo trong trật tự pháp lý của Bhutan, cần phải hiểu rõ lịch sử và phạm vi tác động của Hiến pháp.

Chủ tịch Ủy ban Soạn thảo nêu rõ quan điểm rằng Hiến pháp Bhutan dựa trên triết lý Phật giáo vì đáp ứng nguyện vọng của người dân Bhutan, phù hợp với xu thế toàn cầu và có nền tảng tâm linh và triết học (Tobgye 2015: 23).

Ủy ban Soạn thảo¹ nghiên cứu các cơ sở tôn giáo, văn hóa, triết học và chính trị của đất nước và hiến pháp của nhiều quốc gia trên thế giới (ibid.: 20).² Điều 7, Mục 4 của Hiến pháp Bhutan quy định về quyền tự do tôn giáo,³ và Hiến pháp thể hiện và phản ánh các giá trị, triết lý và mục tiêu mà người dân Bhutan trân trọng (ibid.: 23).

Phật giáo là nền tảng tâm linh của Nhà nước Bhutan

“Được sự gia trì của Tam Bảo⁴, hộ trì của chư Hộ pháp, trí tuệ của các nhà lãnh đạo đất nước, giá trị trường tồn Phật pháp dòng tu Drukpa⁵ và sự dẫn dắt của Quốc Vương Druk Gyalpo Jigme Khesar Namgyel Wangchuck.” (Lời nói đầu, Hiến pháp Bhutan)



Như vậy ngay Lời nói đầu của Hiến pháp Bhutan đã khẳng định Phật giáo là quốc giáo và cùng với nhà nước thế tục cùng tồn tại trong một mandala (Whitecross 2014: 263). Thiết chế này cho thấy mạch nguồn về tôn giáo, lịch sử cùng các giá trị của mình (Tobgye 2015: 49). Do đó, Lời nói đầu khẳng định Phật pháp, sự hộ trì của các hộ pháp và nền tảng giáo lý dòng tu Phật giáo Drukpa là nền tảng của Hiến pháp. Lời nói đầu, một phần không thể thiếu của Hiến pháp, nhấn mạnh đến tính thiêng liêng đặc biệt của mình.⁶ Bởi vậy Hiến pháp Bhutan là một bản Hiến pháp hoàn toàn mang phạm vi “thế tục” là không đúng, đặc biệt là khi đọc Điều 2 và Điều 3 liên quan đến vai trò của Quốc vương và Phật giáo là di sản tinh thần của Bhutan.⁷

Quốc Vương là bậc lãnh đạo Nhà nước Phật giáo (Chan Srid Gnyis)

Điều 2 của Hiến pháp Bhutan quy định về thể chế quân chủ. Mục 1 quy định, Quốc vương Bhutan (Druk Gyalpo) là nguyên thủ quốc gia. Mục 2 đề cập đến thuật ngữ “Nhà nước Phật giáo” (Ishihama 2004: 15-16), là một hình thức chính quyền hợp nhất cả phương diện tâm linh và thế tục.⁸ Hiến pháp quy định rằng hình thức chính quyền kép này (gồm cả tâm linh và thế tục) “được thống nhất trong con người của Quốc vương. Ngài là một Phật tử và là bậc bảo vệ “Nhà nước Phật giáo”.

Để hiểu được những hàm ý chính trị và tôn giáo của thiết chế này, cần phải xem xét nguồn gốc và sự phát triển của quan niệm này, vốn đã xuất hiện từ lâu đời

trong lịch sử Phật giáo Tạng truyền. Cơ sở của thiết chế này có thể được tìm thấy trong hình tượng Bồ Tát Quán Thế âm (Avalokiteśvara Lokeśvara), thông qua đó tạo nên sự hợp nhất giữa tâm linh và thế tục (Seyfort Ruegg 2004: 11). Các văn bản của Hoàng gia trong giai đoạn truyền bá Phật giáo lần thứ hai ở Tây Tạng đã phát triển ý tưởng về một vị Quốc vương lãnh đạo vương quốc bằng cả luật tôn giáo và luật thế tục. Trong một văn bản được cho là di chúc của Quốc vương Tây Tạng Songtsen Gampo (605?-649), bản thân Quốc vương được coi là hiện thân của Bồ Tát Quán thế âm, do đó thiết chế lãnh đạo vương quốc cần có sự hợp nhất giữa quyền lực tôn giáo và quyền lực hoàng gia. Văn bản nhấn mạnh rằng Quốc vương đã nỗ lực thuần hóa dân chúng “bằng các điều luật Phật giáo và luật hoàng gia”. Văn bản cũng đề cập đến mười hành vi thiện và mười hành vi xấu ác trong đời sống, đồng thời khẳng định sự kết hợp luật đạo đức và luật nhà nước. Thuật ngữ Vương triều Phật giáo được tìm thấy trong nhiều văn bản Hoàng gia thời đó (Ishihama 2004: 16). Theo các văn bản này, một Vương triều Phật giáo được thành lập lần đầu tiên bởi vua Songtsen Gampo và đặc biệt phát triển mạnh mẽ dưới triều đại của vị Quốc vương thứ hai Trisong Detsen (Khri-srong lde-btsan 742-800) (ibid.: 16).

Hệ thống Vương triều Phật giáo này được kế thừa ở Bhutan bởi người kiến lập vương quốc Zhabdrung Ngawang Namgyal (1594-1651). Trong sắc lệnh tại Punakha Dzong tuyên bố kiến lập vương quốc Bhutan, Zhabdrung Ngawang Namgyal nhận mình là bậc lãnh tụ cả về phương diện tôn giáo và thế tục (Windischgraetz và Wangdi 2019: 13).⁹ Như vậy, khái niệm về chế độ quân chủ hiện tại ở Bhutan bắt nguồn từ những khái niệm chính trị truyền thống của Phật giáo Tạng truyền (Schwerk 2019: 26 ff, Whitecross 2022: 84).



Hiến pháp Bhutan xác quyết Quốc vương phải là một Phật tử. Bên cạnh việc được coi là một bậc lãnh tụ tâm linh (chos rgyal) (Pommaret 2016: 254), một vị vua tôn giáo, Quốc Vương được coi là hiện thân của Bồ tát Quán thế âm, Văn Thù Sư Lợi và Kim cương thủ (Pommaret 2016: 253). Do đó, ý tưởng về một nhà nước (Seyfort Ruegg 2004: 8) do một vị Bồ Tát hiện thân lãnh đạo, được duy trì và kế thừa truyền thống triết học chính trị Phật giáo Tây Tạng qua nhiều thế kỷ. Hệ thống chính trị ở Bhutan từ ngày lập quốc đã trải qua ba giai đoạn chuyển đổi to lớn: chế độ lưỡng quyền của Zhabdrung, chế độ quân chủ chuyên chế từ năm 1907, và chế độ quân chủ lập hiến dân chủ năm 2008, tuy nhiên quan niệm về một Quốc vương lãnh đạo cả phương diện tôn giáo và thế tục, vẫn được duy trì tới tận ngày nay (Pommaret 2016: 258, Whitecross 2022: 90).

Mặc dù vẫn dựa trên các khái niệm Phật giáo truyền thống như trên, Hiến pháp nhấn mạnh việc duy trì các chuẩn mực về quyền con người phổ quát và nghiêm cấm phân biệt đối xử giữa các tôn giáo (Tobgye 2015: 110). Điều 3, Mục 2 của Hiến pháp quy định rằng “Quốc vương là bậc bảo vệ tất cả các tôn giáo hiện diện ở Bhutan”. Do đó, điều này cho thấy Quốc vương là bậc lãnh tụ của tất cả công dân Bhutan bất kể tôn giáo hay tông phái Phật giáo nào, đồng thời ngài là biểu tượng của sự thống nhất của Vương quốc và của người dân Bhutan (ibid.: 110).

Phật giáo là di sản tinh thần của Bhutan

“Phật giáo là di sản tinh thần của nước Bhutan”, theo Điều 3 Hiến pháp; tuy nhiên, trách nhiệm hoàng dương Phật giáo là di sản tinh thần của đất nước thuộc về các tổ chức tôn giáo và tu sĩ chứ không phải của chính quyền nhà nước. Điều 3, Mục 3 đảm bảo rằng Phật giáo độc lập với chính trị ở Bhutan:¹⁰ “Các tổ chức và tu sĩ Phật giáo hoàn toàn độc lập với chính trị.” Theo truyền thống, người dân Bhutan rất kính trọng các tổ chức và tu sĩ Phật giáo; nếu các tu sĩ Phật giáo tham gia vào các hoạt động chính trị, hoặc Hiến pháp ngụ ý như vậy, thì hệ thống dân chủ đất nước có thể bị rối loạn, và quan điểm phổ biến cho rằng việc tách biệt tôn giáo nói chung trong đó có Phật giáo khỏi chính trị cho phép chính phủ Bhutan củng cố di sản tâm linh và tôn giáo của đất nước, đồng thời tránh các tư tưởng cực đoan và các chính sách phân biệt tông phái (Tobgye 2015: 111). Theo nguyên tắc này, Điều 184 của Luật Bầu cử năm 2008 cấm các tu sĩ tôn giáo thuộc bất kỳ tôn giáo nào, bao gồm các linh mục Hindu và các nhà lãnh đạo Hồi giáo, đều không được tham gia vào quá trình bầu cử.¹¹

Việc tách biệt tôn giáo khỏi chính trị như được quy định trong Hiến pháp năm 2008, đã làm thay đổi nền tảng của nhà nước Bhutan (Whitecross 2014: 365). Trước năm 2008, Hội đồng Giáo hội Phật giáo Trung ương thường cử mười đại biểu tham dự Quốc hội và hai đại biểu tham dự Hội đồng Cố vấn Hoàng gia. Điều này nhằm đảm bảo tính liên tục của hệ thống quản trị kép và cho phép các hệ thống tâm linh và chính trị có sự giao thoa (Dorji 2015). Sự đóng góp này của Giáo hội Phật giáo Trung ương đã bị bãi bỏ sau khi chuyển đổi sang chế độ dân chủ.



Nội dung bản Hiến pháp vẫn rất coi trọng địa vị Phật giáo, nhưng có sự tách biệt rõ ràng giữa chính quyền nhà nước và Giáo hội Phật giáo ở vai trò, chức năng và quyền hạn (Bhargava 2015: 229-230). Tất nhiên trên thực tế, sự tách biệt này không phải là không có ngoại lệ: theo Điều 3, Mục 4, Quốc vương có nhiệm vụ bổ nhiệm Pháp chủ (Je Khenpo) của Trung ương Giáo hội. Pháp chủ được tấn phong theo nhiều tiêu chí nhưng phải là một tu sĩ dòng Drukpa. Ngoài ra một số nghi lễ Phật giáo phải đi kèm trong các kỳ họp của Quốc hội: theo Điều 10, Mục 6 của Hiến pháp, mỗi kỳ họp của Quốc hội phải được khai mạc và kết thúc bằng nghi thức Phật giáo. Ở các cấp chính quyền thấp hơn, cũng có nhiều các quy định tương tự. Đạo luật Tổ chức Tôn giáo năm 2007 thiết lập một cơ quan quản lý tôn giáo, bao gồm cả tu sĩ và người thế tục. Do đó, những Phật tử, tu sĩ do cộng đồng của mình đề cử, được sáp nhập vào hệ thống hành chính nhà nước. Nhà nước và các tổ chức tôn giáo có mối liên hệ tài chính quan trọng: theo Điều 3, Mục 7 của Hiến pháp, Giáo hội Phật giáo Trung ương và địa phương (rabs sde)¹⁵ sẽ tiếp tục nhận được đủ trợ cấp kinh phí và các hỗ trợ khác từ nhà nước.

Nhà nước Bhutan ưu tiên cho Giáo hội Phật giáo theo dòng tu Drukpa so với các tông phái khác như dòng tu Nyingma, tông phái Phật giáo số số lượng Phật tử lớn thứ hai ở Bhutan.

Xã hội dựa trên các giá trị Phật giáo

Ở Bhutan có sự tương đồng giữa mục tiêu của nhà nước và Phật giáo. Theo Đoạn 2 của Lời nói đầu Hiến pháp, “nhà nước sẽ nâng cao hạnh phúc và niềm an lạc cho người dân”. Do đó, các mục tiêu trong Hiến pháp cũng giống như những mục tiêu được nhấn mạnh trong các nguồn tư liệu pháp lý ngay từ thời lập quốc (Windischgraetz và Wangdi 2019: 15). Trong bộ luật đầu tiên ngay khi vương quốc được kiến lập, mục tiêu tối thượng của Vương triều Phật giáo dòng Drukpa tại Bhutan và việc ban hành luật pháp đều hướng tới mang lại lợi ích và hạnh phúc, những nhân của tâm giác ngộ, cho tất cả chúng sinh trong nước. Đây là dòng chữ được trưng bày tại Punakha Dzong và được chính ngài Zhabdrung Ngawang Namgyal, bậc sáng lập nhà nước Bhutan, khắc trên điều luật quản trị đất nước (ibid.: 14). Việc đạt tới hạnh phúc và niềm an lạc là mục tiêu của Vương triều Phật giáo dòng Drukpa được giải thích rõ ràng trong một bộ luật khác của Bhutan vào năm 1729: “Nếu không có luật pháp, hạnh phúc cho chúng sinh sẽ không sinh khởi. Nếu chúng sinh không hạnh phúc, thì các bậc thầy Phật Pháp dòng Drukpa không có lý do gì để duy trì thiết chế này: (Aris 2009: 131). Vì vậy, ngay từ thời lập quốc tới nay, trong Tăng đoàn do ngài Zhabdrung kiến lập và thế hệ các nhà lãnh đạo kế nhiệm ở Bhutan, mục tiêu nổi bật của luật pháp là hướng tới niềm hạnh phúc và an lạc của người dân. Mục

tiêu này dựa trên nền tảng các giá trị Phật giáo. (Bhargava 2015: 230). Do đó, khái niệm “tổng hạnh phúc quốc gia”¹⁷ cũng phản ánh triết lý lâu đời về chính trị xã hội của người Bhutan (Whitecross 2022: 90).

Nhà nước sẽ nỗ lực tạo điều kiện cho sự phát triển chân thực và bền vững, kiến tạo một xã hội thiện ích và từ bi dựa trên nền tảng giá trị Phật giáo và các giá trị nhân văn phổ quát (Điều 9, Mục 20, Hiến pháp Bhutan).

Như vậy, Điều 9, Mục 20 tiến thêm một bước hướng tới làm rõ nhiệm vụ của nhà nước là thiết lập một xã hội thiện ích và từ bi dựa trên “đạo đức Phật giáo” và các nguyên lý của sáu Ba la mật. Thực hành sáu Ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nại, tinh tiến, thiền định và trí tuệ, trở thành nguyên tắc dẫn đường cho mọi thành phần trong xã hội.

Phật giáo là di sản văn hóa của Bhutan



“Nhà nước phải nỗ lực bảo tồn, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa di sản của đất nước, bao gồm các thánh tích, địa điểm và đối tượng có giá trị nghệ thuật hoặc lịch sử, các Dzongs, Lhakhangs (lha khang), Goendeys (dgon sde), Ten sum (rtan gsum), Nyes, ngôn ngữ, văn học, âm nhạc, nghệ thuật hình ảnh và tôn giáo để làm phong phú xã hội và đời sống văn hóa của công dân”. (Điều 4, Hiến pháp Bhutan).

Là một phần di sản văn hóa của Bhutan, Phật giáo là đối tượng được bảo vệ. Các thuật ngữ tôn giáo được đề cập ở đây biểu thị các thực thể Phật giáo bao

gồm: lha khang là những ngôi chính điện, dgon sde là các cộng đồng tự viện, rten gsum bao gồm bảo tháp, tôn tượng và kinh văn, và Nyes là những thánh tích hành hương. Do đó, Hiến pháp nêu rõ rằng các thánh tích và hiện vật Phật giáo phải được bảo vệ như một phần di sản văn hóa của đất nước.

Điều 3 Hiến pháp giao trách nhiệm bảo vệ di sản tinh thần của Bhutan cho các tổ chức tôn giáo. Các cá nhân và tổ chức. Điều 4 giao trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ di sản văn hóa Bhutan cho nhà nước, đồng thời cũng đưa ra định nghĩa về nghĩa vụ thực hiện và cho phép thực hiện theo nhiều cách khác nhau. Các văn bản pháp luật có thể được ban hành dựa trên điều khoản này để đóng vai trò hướng dẫn ban hành các văn bản pháp luật cấp thấp hơn của các cơ quan có thẩm quyền.

Phật giáo như một phạm trù pháp lý

Hiến pháp Bhutan tách biệt tôn giáo nói chung, trong đó có Phật giáo với chính trị; các nhà lãnh đạo Phật giáo không còn thẩm quyền quyết định (hoặc đồng quyết định) về luật pháp hoặc ban hành các đạo luật về Phật giáo. Do đó, Phật giáo là một thuật ngữ pháp lý trong hệ thống pháp luật Bhutan. Hiến pháp buộc nhà nước phải phấn đấu hướng tới một xã hội dựa trên nền tảng tinh thần Phật giáo, đồng thời bảo tồn, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Bhutan. Nghĩa vụ này liên quan đến tôn giáo và đặt ra một số câu hỏi: Phật giáo nên được định nghĩa như thế nào? Tinh thần Phật giáo nên được xác định như thế nào? Những khía cạnh nào của Phật giáo đại diện cho di sản văn hóa của Bhutan? Ai có thẩm quyền phát ngôn cho Phật giáo? Ai sẽ quyết định cách thức bảo vệ các đặc điểm Phật giáo? Chính quyền nhà nước có trách nhiệm diễn giải các quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của mình vì nghĩa vụ này thuộc về nhà nước.

Phật giáo đề cao các nguyên tắc và giá trị hòa bình, bất bạo động, từ bi và khoan dung, theo Điều 3 của Hiến pháp; ngoài ra, phạm vi diễn giải “Phật giáo” và định hình khái niệm “Phật giáo” rất rộng. Các công chức nhà nước thế tục diễn giải Phật giáo theo thuật ngữ pháp lý dựa trên sự hiểu biết của họ và thông qua việc tham dự các sự kiện tôn giáo (Whitecross 2014: 366). Người dân Bhutan, các quan chức chính phủ và những người soạn thảo Hiến pháp Bhutan đều hiểu và diễn giải các nguyên tắc và giá trị Phật giáo theo một cách nhất định. Sự hiểu biết và diễn giải đó đã được đưa vào văn bản Hiến pháp; tinh thần của nó phản ánh cách thức mà người dân trong đời sống thường nhật, chứ không phải các tu sĩ Phật giáo, hiểu bản chất của giáo lý Phật giáo (ibid.: 350 ff, 366).

Hiến pháp Bhutan là một trong số ít Hiến pháp trên thế giới bảo vệ văn hóa một cách rõ ràng (Tobgye 2015: 116).¹⁸ Trong các cuộc tham vấn trước khi ban hành Hiến pháp, Quốc vương đời thứ tư của Bhutan đã đề cập đến các vũ điệu mặt nạ ('chams) như một ví dụ về nghệ thuật hình ảnh Phật giáo cần được bảo vệ (ibid.: 118).

Các biểu tượng trong Phật giáo bao gồm cả phần hữu hình và vô hình, đều là một phần của văn hóa Bhutan và do đó được bảo vệ theo Điều 4. Tuy nhiên, văn hóa thay đổi theo thời gian, và những nhà soạn thảo Hiến pháp đã nhận thức được điều đó: Điều 4, Mục 2 quy định rằng nhà nước phải công nhận văn hóa là một thực thể luôn vận động và phát triển, đồng thời nỗ lực củng cố và tạo điều kiện cho sự phát triển liên tục của các giá trị và thể chế truyền thống bền vững trong một xã hội tiến bộ. Do đó, Hiến pháp trao cho nhà nước quyền tự quyết định các cách thức bảo vệ di sản văn hóa của Bhutan.

Phật giáo là phần di sản văn hóa tinh túy của Bhutan. Để bảo vệ, duy trì và lan tỏa các giá trị Phật giáo, nhà nước Bhutan đã luật hóa địa vị, vai trò của Phật giáo cũng như quy định nhiệm vụ của những nhà lãnh đạo ở trung ương và địa phương đối với Phật giáo. Phật giáo đã được luận giải ở phương diện các thuật ngữ pháp lý, trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, thuận tiện phục vụ cho các mục tiêu phát triển quốc gia trong thời đại mới.

Việt dịch: **Anh Vũ và La Sơn Phúc Cường**

Nguồn: Michaela Windischgraetz, *Buddhist Values as Legal Values in the Constitution of Bhutan*, HIMALAYA Volume 42 (1), Spring 2023

Chú thích:

[1]. *The 39-member Constitution Drafting Committee was set up by Royal Decree in 2001. The Chief Justice served as the chairman. The committee represented all sections of society: representatives from the twenty Dzongkhags (districts) directly elected by the people, two members from the Dratshang (monastic body), the Speaker of the National Assembly, seven members from the Royal Advisory Council, three from the judiciary, and six from the government (Tobgye 2015: 30 ff).*

[2]. *Modern nation-states with a Theravada Buddhist majority deliberately looked to traditional Buddhist sources for political legitimacy and moral authority and followed the same process in drafting their Constitution (Schonthal 2014: 151).*

[3]. *We do not discuss it in detail in this article because space is limited.*

[4]. *Buddha, Dharma and Sangha, cf. Glossary to the English version of the Constitution of Bhutan.*

[5]. *Glorious Bhutan, cf. Glossary to the English version of the Constitution of Bhutan.*

[6]. *5th King Jigme Khesar Namgyel Wangchuck in a public consultation in Samdrup Jonkhar, 22 April 2005 (Tobgye 2015: 49).*

[7]. *Stressing the ambivalence of Bhutan as a secular state and the role of Buddhism in the Constitution (Whitecross 2022: 90).*

[8]. *The similar expression of chos srid zung 'brel can be translated as "conjunction of religious law (dharma) and government"; see Seyfort Ruegg 2004:9; The glossary to the English version of the Constitution of Bhutan says "dual system of religion and politics (temporal and secular)".*

[9]. *Instead of chos srid the Punakha edict uses the term bstan srid with an equivalent meaning.*

[10]. *The Dzongkha text of Article 3, Section 3 'brug lu chos 'di means "religion in Bhutan" and does not refer to the Drukpa Kagyu school ('brug lugs, which is used in Article 3, Section 4 to refer to the Je Khenpo denomination).*

[11]. *Thailand and Myanmar use the same logic to limit the franchise of Buddhist monks. On this see: Larsson 2014, 2016.*

[12]. *Traditional ceremony for the acquisition of the triple attributes of grace, glory and wealth during a formal and auspicious occasion. Spelling according to the English version of the Constitution.*

[13]. *Spelling according to the Dzongkha version of the Constitution.*

[14]. *Prayers for the fulfilment of good wishes and aspirations.*

[15]. *Monastic bodies in dzongs other than Punakha and Thimphu.*

[16]. *Building on this basic model reaching back in history to the times of the Buddha, Tibetan political theory from the 13th century onward shaped the relationship between the religious powers and secular orders. This was especially true for the time of the Mongol overlordship over Tibet in the 13th century, when Sa-skya paṇḍi-ta Kun-dga' rgyal-mtshan (1182-1251) the great abbot-hierarch of the Tibetan state of Sa-skya and his nephew and successor 'Phags-pa Blogras rgyal-mtshan dpal-bzang- po (1235- 1280) established an*

understanding a kind of religio-political concordat first with the Mongol prince Godan and thereafter with the Sino-Mon

[17]. Article 9, Section 2 of the Constitution of Bhutan obligates the state to strive to promote conditions that will enable the pursuit of “gross national happiness”, a term coined by the fourth king as early as 1972. The concept of gross national happiness guides all state authorities in Bhutan in promoting sustainable development that gives equal importance to non-economic aspects of well-being. Progress should be viewed through the lens of not only economics but also from the spiritual, social, cultural, and ecological perspectives. See e.g. Ura 2011, Locke 2020, Windischgraetz 2023.

[18]. Similarly, Article 3, Section 3 of the Treaty of the European Union stipulates that the Union “shall respect its rich cultural and linguistic diversity, and shall ensure that Europe’s cultural heritage is safeguarded and enhanced”.